

PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty cổ phần Pin Hà Nội

Năm 2015

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No:0100100752
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 51.184.430.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:
- Địa chỉ/Address: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Số điện thoại/Telephone: 04- 3861 5365
- Số fax/Fax: 04- 3861 2549
- Website: www.habaco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any):

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QDD-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 5 năm 2013.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 9 ngày 18/11/2015 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

+ Niêm yết: Chưa

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất pin và ắc quy	2720 (chính)
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)	4669
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	8299
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi	6810

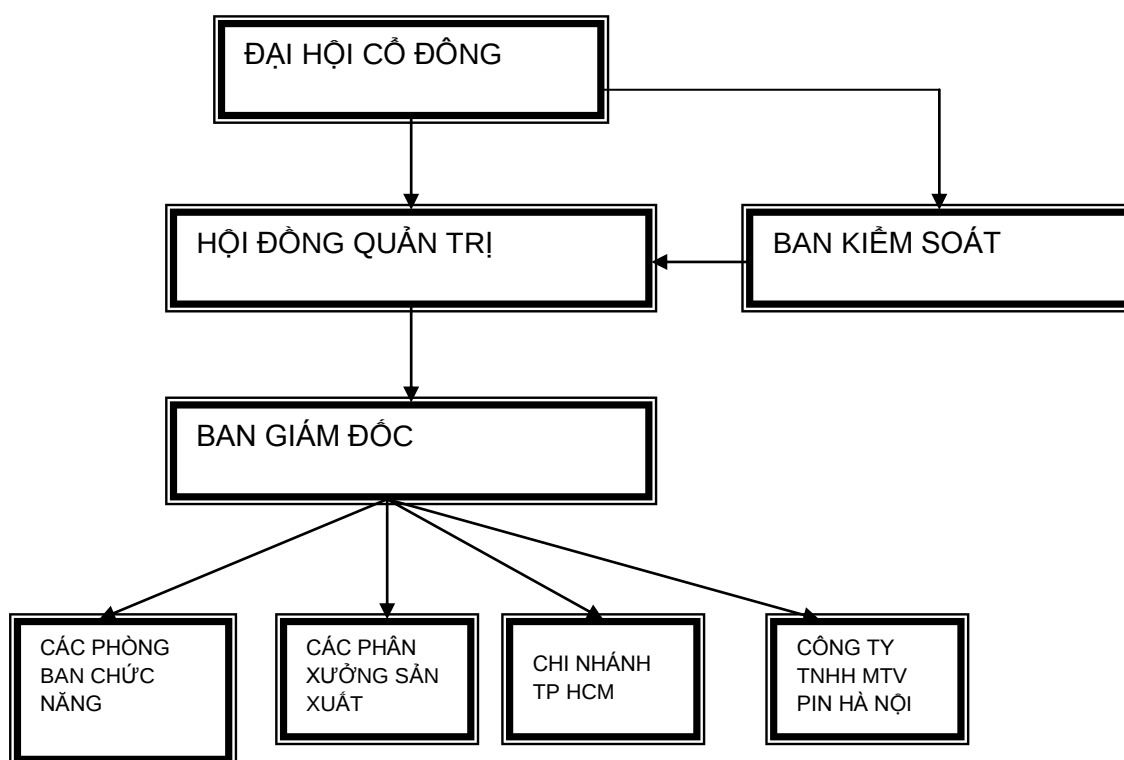
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

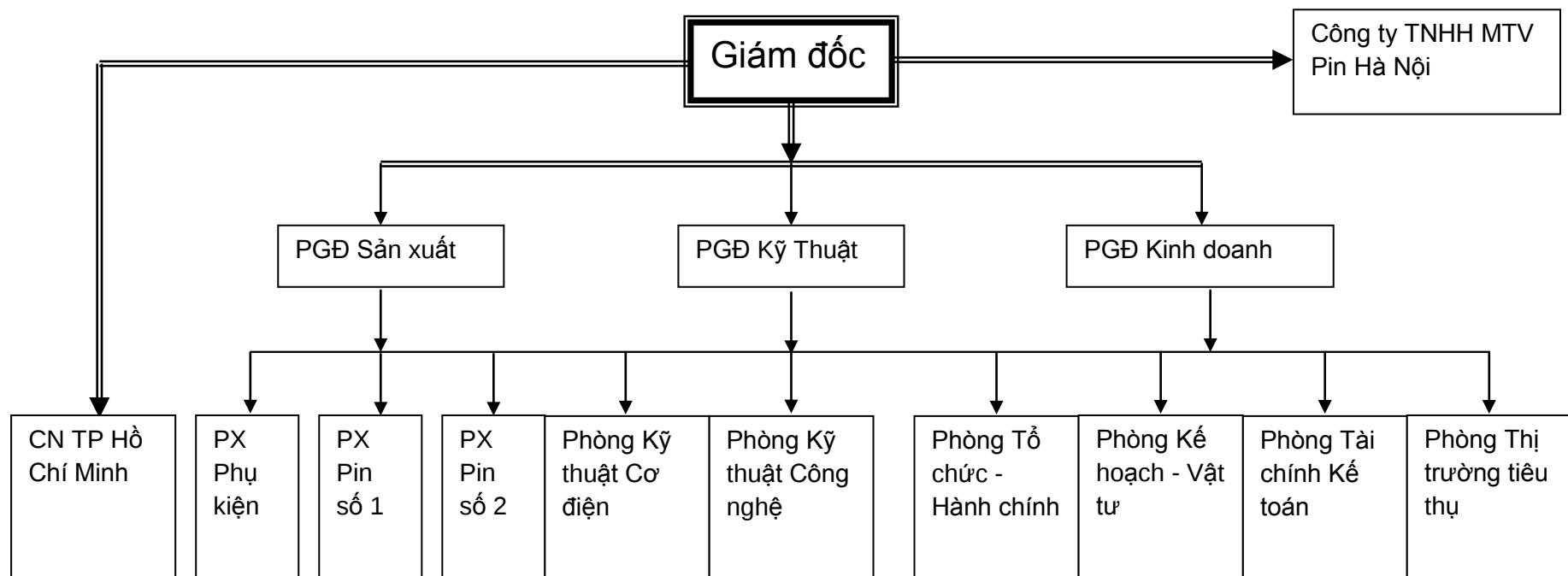
- Mô hình quản trị/ Governance model.

- + Mô hình quản trị.



+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*)).

+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội:

Mã số thuế: 0700524947

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 20 tỷ

Hình thức sở hữu: Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 100% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty mẹ - Công ty con.

Tình hình hoạt động: Đang trong quá trình giải thể để thay đổi pháp nhân thực hiện dự án đầu tư.

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin truyền thống để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả. Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững. Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty, tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch, nỗ lực tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch thông qua đối tác GPB. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu. Công ty đề ra nhiệm vụ trọng tâm ngoài việc giữ vững sản lượng và thị trường truyền thống đó là tập trung nguồn lực sản xuất thành công sản phẩm có tiêu chuẩn chất lượng, thân thiện với môi trường phù hợp với yêu cầu xuất khẩu..

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đẩy nhanh tiến trình hợp tác, liên kết với tập đoàn Pin GP thông qua Công ty TNHH Pin GP Singapore nhằm mở rộng sản xuất, đầu tư có chiều sâu vào Công nghệ và thiết bị mới nhằm tạo ra sản phẩm sạch, chất lượng cao hướng tới xuất khẩu vào các thị trường lớn, nâng vị thế của Công ty lên tầm khu vực phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày				
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,951,000,652	-	-	10,951,000,652
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18,976,527,634	-	-	18,976,527,634
Đầu tư dài hạn	14,246	-	-	14,246
	<u>29,927,542,532</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>29,927,542,532</u>
Tại ngày				
01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,418,088,127	-	-	9,418,088,127
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28,333,161,149	-	-	28,333,161,149
Đầu tư dài hạn	14,246	-	-	14,246
	<u>37,751,263,522</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>37,751,263,522</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày				
31/12/2015				
Vay và nợ	12,804,084,800	-	-	12,804,084,800

Phải trả người bán, phải trả khác	6,783,809,384	-	-	6,783,809,384
Chi phí phải trả	3,376,305,392	-	-	3,376,305,392
	22,964,199,576	-	-	22,964,199,576
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	19,687,265,875	-	-	19,687,265,875
Phải trả người bán, phải trả khác	2,572,560,962	-	-	2,572,560,962
Chi phí phải trả	828,740,412	-	-	828,740,412
	23,088,567,249	-	-	23,088,567,249

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*

1.1/ Về giá trị sản xuất công nghiệp:

Về sản xuất:

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 đạt 167,2 tỷ đồng giảm 13,7 tỷ so với năm 2014 tương ứng giảm 7,6%.

Sản lượng sản xuất: 298,7 triệu cái pin các loại so với năm 2014 giảm 30,2 triệu viên, giảm 9,2%. Trong đó:

- Pin R20: tăng 2,9 triệu viên.
 - Pin R6: giảm 2,7 triệu viên.
 - Pin R03: giảm 30,2 triệu viên.
- So với kế hoạch 313 triệu viên, giảm 14,3 triệu viên, tương đương 4,6%; Trong đó R20 tăng: 2,5 triệu viên, R6 giảm 8,7 triệu viên, R03 giảm 8,1 triệu viên.

1.2/ Về doanh thu tiêu thụ: Đạt được 282,3 tỷ đồng, so với năm 2014 giảm 14,3 tỷ đồng tương ứng 4,8%.

Trong đó: Trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 91,25 tỷ đồng (4,1 triệu USD), giảm 25,44 tỷ đồng (tương đương 1,1 triệu USD) so với năm 2014

1.3/ Về hiệu quả:

Mục tiêu đề ra năm 2015 là 15 tỷ lợi nhuận trước thuế, kết quả thực hiện năm 2015 đạt 16,14 tỷ đồng. So với năm 2014 giảm 5,4 tỷ tăng 1,14 tỷ so với kế hoạch.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

Về nguyên nhân tăng giảm sản lượng:

Nguyên nhân chủ yếu: Pin R20 là do nhu cầu tăng và làm tốt công tác tiêu thụ tại thị trường nội địa; Pin R6 và pin R03, tiêu thụ nội địa tăng nhưng tiêu thụ xuất khẩu giảm; Lý do giảm sản lượng xuất khẩu: Năm 2015 Công ty nhận được các phản hồi của khách hàng về chất lượng sản phẩm do vậy Công ty đã tiến hành rà soát, kiện toàn lại toàn bộ quá trình sản xuất và quản lý chất lượng dưới sự giám sát, hỗ trợ của đội ngũ quản lý chất lượng của tập đoàn GP. Trong quá trình này, Công ty và phía khách hàng đã thống nhất tạm dừng các đơn hàng xuất khẩu. Đến tháng 9 năm 2015 việc kiện toàn quá trình sản xuất và quản lý chất lượng được hoàn thành, Công ty tiếp tục thực hiện các đơn hàng xuất khẩu với số lượng và chất lượng sản phẩm ổn định hơn.

Về nguyên nhân tăng giảm lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế còn lại của năm 2015 là 16,14 tỷ đồng (Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất). So với năm 2014 giảm 5,4 tỷ, do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Chi phí xử lý pin lỗi do khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm pin R03 nhãn hiệu Rayovac bị rò rỉ trong hạn quản quản lớn hơn tiêu chuẩn cho phép khách hàng phải chọn lại ngoại quan và kiểm nghiệm lại chỉ tiêu điện áp, chi phí phải đền bù gồm chi phí nhân công, đền bù chi phí sản phẩm lỗi, chi phí xử lý pin lỗi... Tổng chi phí thống kê là 141.000 USD, đã trích vào chi phí năm 2015 là 70.500 USD tương đương 1,5 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng tăng: Cước vận tải tăng do phải chờ hàng đúng tải: 1,8 tỷ đồng; Tăng chiết khấu thanh toán để giảm dư nợ đại lý, tăng chi phí bán hàng để cạnh tranh giữ thị phần 0,9 tỷ đồng. Tổng chi phí bán hàng tăng 2,7 tỷ.

- Khấu hao cơ bản tăng 0,5 tỷ đồng.

- Chi phí khác bằng tiền tăng do một số chi phí ở và ăn của một số đoàn GP và nhân viên sang giúp công ty giải quyết vấn đề khiếu nại của khách hàng trong việc tìm kiếm nguyên nhân, biện pháp khắc phục và đào tạo cán bộ công nhân viên cũng như củng cố, xây dựng lại toàn bộ hệ thống chất lượng trong toàn công ty và một số khoản chi phí khác. Tăng 0,65 tỷ đồng.

- Chi phí BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn tăng do điều chỉnh lương tối thiểu vùng làm tăng chi phí 0,5 tỷ đồng.
- Trợ cấp chấm dứt HĐLĐ tăng 0,4 tỷ đồng.
- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm làm tăng chi phí cố định và giảm lợi nhuận 1,8 tỷ đồng.
- Định mức kèm thời tăng hơn so với năm 2014: Từ tháng 4 năm 2015, công ty đã chuyển đổi công nghệ pin không có thủy ngân và Cd cho 100% pin R6 và pin R03 tiêu thụ nội địa và pin R20 không có Cd và để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi không sử dụng hai chất ức chế chống ăn mòn, công ty đã nâng chiều dày thành cực âm và tăng định mức kèm thời là tăng chi phí kèm thời 24 tấn, tương đương 1 tỷ đồng.

Tổng chi phí sản xuất và tiêu thụ tăng khoảng 9 tỷ đồng.

- Giá vốn giảm so với 2014: Được giảm thuế nhập khẩu đối với vật tư nhập cho sản xuất pin xuất khẩu và các vật tư nhập khẩu có chứng từ hợp lệ; Giá vật tư chính không có biến động lớn, giá vật tư nhập khẩu giảm so với năm 2014 nhưng tỷ giá tăng cho nên về cơ bản không có biến động lớn.
- Lãi vay ngân hàng giảm so với năm 2014: Nguyên nhân sử dụng 100% vay ngoại tệ, giảm dư nợ vay ngân hàng, dư nợ đại lý giảm.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

+ Danh sách Ban điều hành:

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 260.250 cổ phần

- Ông Nguyễn Tiến Triển: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh: 1954 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 35.764 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1962 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 84.272 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 5.517 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

Ông Nguyễn Cao Sơn UVHĐQT Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Môi trường được bổ nhiệm Phó Giám đốc từ ngày 25 tháng 11 năm 2015.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 342 người.

- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và cơm CN): 33,844 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 8,2 triệu đồng/ ng/ tháng.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 36 người

- Lao động tuyển dụng mới: 22 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Đã ký hợp đồng đặt chế tạo dây chuyền sản xuất pin đơn R6 công suất 600 cái/ phút với giá trị 2,2 triệu CNY, mức chất lượng sản phẩm cao hơn mức chất lượng hiện tại về các chỉ tiêu phóng điện, dự kiến tháng 4 sẽ tiếp nhận và lắp đặt. Trong thời gian lắp đặt sẽ tìm hiểu và mua dây chuyền thành phẩm cũng như tăng năng lực cho công đoạn sản xuất ống kẽm.

Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện năm 2015:

+ Máy ép vi tự động: 1.092 triệu đồng

+ Máy kiểm điện pin R03: 246,8 triệu đồng

+ Thiết bị giám sát chất lượng 351,3 triệu đồng

+ Hệ thống Camera giám sát: 131 triệu đồng

+ Máy kiểm điện pin: 202,9 triệu đồng

+ Máy in phun Videojet 1620HR	244,7 triệu đồng
+ Hệ thống tường lửa an ninh mạng	99,3 triệu đồng

Tổng cộng: 2.367,8 triệu đồng

b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

- Đại Hội đồng cổ đông đã ban hành Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ về việc ủy quyền cho HĐQT tiến hành thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội. Tính đến 31 tháng 3 năm 2016 HĐQT đã ra quyết định giải thể và Thông báo giải thể hiện đang chờ thủ tục quyết toán thuế để đóng mã số doanh nghiệp. Mục đích của việc giải thể là chuyển đổi pháp nhân thực hiện dự án Nhà máy sản xuất pin tại Khu Công nghiệp Hòa mạc từ Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội sang Công ty TNHH Pin GP (Việt nam) trong đó Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp vốn liên doanh với tỷ lệ góp vốn 30%; Công ty TNHH Pin Quốc tế GP (Singapore) góp vốn 70%.
- Về vấn đề thành lập liên doanh: Đã hoàn thành quá trình thành lập liên doanh, ngày 7 tháng 3 năm 2016 đã hoàn thành việc góp vốn điều lệ theo đúng quy định. Tổng giá trị góp vốn: 27 tỷ VND, trong đó 24,075 tỷ từ việc chuyển nhượng quyền thuê cơ sở hạ tầng tại khu Công nghiệp Hòa mạc, 2,925 tỷ từ vốn của công ty; Tiến độ thực hiện của liên doanh: Đang hoàn tất các thủ tục để chuẩn bị đấu thầu xây dựng nhà máy.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

a) Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	121.493.611.843	117.818.727.333	103,1%
Doanh thu thuần	273.332.228.178	290.335.347.426	94,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.959.361.828	20.995.491.042	76,0%
Lợi nhuận khác	177.797.586	518.071.583	34,3%
Lợi nhuận trước thuế	16.137.159.414	21.513.562.625	75,0%
Lợi nhuận sau thuế	12.571.818.943	16.673.046.881	75,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (* Đối với tổ chức là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng)			

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2014	Năm/Year 2015	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	2.63 1.53	3.02 1.24	lần lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	25.55% 34.32%	22.96% 29.80%	% %
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	6.92 2.46	5.44 2.25	lần lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	5.74% 19% 14.15% 7.23%	4.60% 13.40% 10.35% 5.84%	% % % %

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity*.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwrote the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to

be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

Tổng số cổ phần: 5.181.443 cổ phần

Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 5.181.443 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders*).

Cổ đông pháp nhân:

Cổ đông pháp nhân:

- GP Batteries internation Co., LTD sở hữu: **1.554.524** CP tương ứng 30%

- Tập đoàn hóa chất Việt Nam sở hữu **1.088.167** CP tương ứng 21%

Cổ đông thể nhân: **310** người sở hữu **2.538.752** CP tương ứng 49%

Trong đó 01 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: **260.250** CP tương ứng 5,023%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Trong năm Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 34.545.000.000 đ lên 51.184.430.000 đồng.

Nguồn tăng từ:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 1.001.656 cổ phần tương đương 10.016.560.000 đồng

- Chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu: 725.287 cổ phần tương đương 7.252.870.000 đồng

Tổng tăng 1.726.943 cổ phần tương đương 17.269.430.000 đồng

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

Không có

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất Pin năm 2015: 162.590.701.542 đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất Pin năm 2015: 23.396.245.846 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm từ Pin phế phẩm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm: 9.716 kg

- Tổng số lượng bột cực dương từ Pin phế phẩm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm: 17.018 kg

(Tỷ lệ ước khoảng 0,6 %)

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2015: 1.403.200 Kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân. Hệ thống này được sử dụng từ năm 1960 và đến nay vẫn đang phải hoạt động vì chưa có nguồn nước sạch của Thành phố cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2015: 221.855 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 50 m³/ngày ở khâu nấu cán kềm liên hoàn. Chiếm tỷ lệ 25% tổng lượng nước sử dụng.

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Lao động sử dụng bình quân: 342 người.

- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và cơm CN): 33,844 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 8,2 triệu đồng/ ng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2015: 24.879.913 đồng/ tháng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2015: 1.000.000 đ/ người

- Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2015: 33.850.000 đồng

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

+ Trong năm công ty đã tổ chức nhiều khóa đào tạo hướng dẫn công việc cho công nhân trực tiếp sản xuất và cán bộ quản lý phân xưởng, nhân viên KCS nhằm củng cố công tác quản lý chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất số giờ đào tạo bình quân trong năm 2015 là 4 giờ, riêng tổ pin đơn R03 số giờ đào tạo là 16 giờ.

Đối với các nhân viên KCS số giờ đào tạo trong năm là 16 giờ. Các cán bộ quản lý số giờ đào tạo là 8 giờ.

Tổng số lượt người được đào tạo, đào tạo lại trong năm 2015: 448 người

Tổng số giờ đào tạo trung bình trong năm 2015: 1.828 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2008.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội từ thiện trong năm 2015: Trên 10.000.000 đồng

- Tổng số tiền tham gia đầu tư nâng cấp chỉnh trang tuyến đường giao thông do địa phương quản lý trong năm 2015: 90.000.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

1.1/ Về giá trị sản xuất công nghiệp:

Về sản xuất:

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 đạt 167,2 tỷ đồng giảm 13,7 tỷ so với năm 2014 tương ứng giảm 7,6%.

Sản lượng sản xuất: 298,7 triệu cái pin các loại so với năm 2014 giảm 30,2 triệu viên, giảm 9,2%. Trong đó:

- Pin R20: tăng 2,9 triệu viên.
- Pin R6: giảm 2,7 triệu viên.
- Pin R03: giảm 30,2 triệu viên.

So với kế hoạch 313 triệu viên, giảm 14,3 triệu viên, tương đương 4,6%; Trong đó R20 tăng: 2,5 triệu viên, R6 giảm 8,7 triệu viên, R03 giảm 8,1 triệu viên.

1.2/ Về doanh thu tiêu thụ: Đạt được 282,3 tỷ đồng, so với năm 2014 giảm 14,3 tỷ đồng tương ứng 4,8%.

Trong đó: Trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 91,25 tỷ đồng (4,1 triệu USD), giảm 25,44 tỷ đồng (tương đương 1,1 triệu USD) so với năm 2014

1.3/ Về hiệu quả:

Mục tiêu đề ra năm 2015 là 15 tỷ lợi nhuận trước thuế, kết quả thực hiện năm 2015 đạt 16,14 tỷ đồng. So với năm 2014 giảm 5,4 tỷ tăng 1,14 tỷ so với kế hoạch.

Năm 2015 là năm công ty có rất nhiều biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng kết quả vẫn đạt các chỉ tiêu đã đề ra, tuy nhiên còn rất nhiều vấn đề tồn tại trong công tác quản lý và điều hành mặc dù được củng cố nhưng kết quả vẫn đạt các chỉ tiêu đã đề ra, tuy nhiên còn rất nhiều vấn đề tồn tại trong công tác quản lý và điều hành mặc dù đã được GP giúp hướng dẫn củng cố công tác quản lý 1 thời gian dài cũng như đã cử 1 số nhân viên có mặt làm việc tại công ty để tăng cường.

Các nguyên nhân tăng giảm doanh thu, sản lượng, chi phí và lợi nhuận đã được phân tích và làm rõ tại Phần II Mục 1 báo cáo này.

- Những tiền bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

- KEO

SIVANHTHONG

- GPI International

Limited

- Các khoản phải thu khách hàng

khác

1,022,685,600

-

11,136,257,242

19,533,525,660

7,170,903,006

7,633,293,847

19,329,845,848

27,166,819,507

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

12,009,021,587

19,605,539,005

PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về kinh phí công đoàn	-	-	89,083,832	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	93,025,741	-	16,976,279	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	22,848,834	-	11,135,479	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11,475,799	-	-	-
Tạm ứng	250,639,055	-	338,625,149	-
Ký cược, ký quỹ	17,000,082	-	1,100,717,876	-
Phải thu khác	228,063,077	-	350,046,742	-
	623,052,588	-	1,906,585,357	-

NỢ

XÁU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	333,823,386	41,335,796	318,869,413	34,198,410
- <i>Taian luchen chemical co.,ltd</i>	684,208,000	-	684,208,000	228,635,288
- <i>Công ty TNHH XDDV - TMTH Huy Hân</i>	52,437,457	-	52,437,457	-
- <i>Các khoản khác</i>	281,385,929	41,335,796	266,431,956	34,198,410
	1,018,031,386	41,335,796	1,003,077,413	262,833,698

HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39,753,414,060	-	24,244,515,471	-
Công cụ, dụng cụ	48,790,304	-	54,536,716	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,361,678,452	-	2,093,126,910	-
Thành phẩm	5,865,090,286	(165,081,124)	5,189,124,822	(201,553,731)
Hàng hoá	1,746,914,350	-	1,795,368,589	-
Hàng gửi đi bán	28,038,456	-	56,026,109	-
	49,803,925,908	(165,081,124)	33,432,698,617	(201,553,731)

TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	528,181,818	561,894,802
Thiết kế mặt bằng nhà máy tại Hà Nam	445,000,000	478,712,984
- Thăm tra thiết kế bản vẽ thi công nhà máy	83,181,818	83,181,818

Mua sắm tài sản cố định	21,195,722	-
Máy ép vi tụy		
- động	21,195,722	-
	<u>549,377,540</u>	<u>561,894,802</u>

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13,288,312,433	29,377,450,971	4,627,656,927	273,374,750	47,566,795,081
- Mua trong năm	-	2,277,966,820	-	99,257,000	2,377,223,820
Số dư cuối năm	13,288,312,433	31,655,417,791	4,627,656,927	372,631,750	49,944,018,901
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11,647,421,660	16,623,108,124	2,817,148,706	261,800,289	31,349,478,779
- Khấu hao trong năm	145,617,000	3,394,612,363	410,823,924	19,892,022	3,970,945,309
Số dư cuối năm	11,793,038,660	20,017,720,487	3,227,972,630	281,692,311	35,320,424,088
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1,640,890,773	12,754,342,847	1,810,508,221	11,574,461	16,217,316,302
Tại ngày cuối năm	1,495,273,773	11,637,697,304	1,399,684,297	90,939,439	14,623,594,813
<i>Trong đó:</i>					
-	Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		23.569.382.278		đồng

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
SUN	1,202,132,800	1,202,132,800	43,588,270	43,588,270
PETROCHEMIC ALS PVT.LTD				
Công Ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây	1,765,407,600	1,765,407,600	-	-
Công ty TNHH XNK Hán Đô Nghi QuảngTây	898,900,200	898,900,200	-	-
GPI International Limited	1,263,319,200	1,263,319,200	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1,365,187,326	1,365,187,326	2,321,589,342	2,321,589,342
			2	
	6,494,947,126	6,494,947,126	2,365,177,612	2,365,177,612
Phải trả các bên liên quan				
	1,263,319,200	1,263,319,200	-	-

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2,491,273,508	-	2,479,591,126	180,159,256	201,673,650	9,832,012
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	5,548,634	-	1,334,190,198	2,085,584,769	756,943,205	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1,186,221,942	3,565,340,471	4,019,098,528	-	732,463,885
Thuế Thu nhập cá nhân	-	15,698,984	91,998,105	97,210,027	-	10,487,062
Thuế Tài nguyên	-	1,719,000	26,622,600	26,555,760	-	1,785,840
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	543,057,000	3,310,689,000	3,853,746,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9,757,802	94,368,820	88,336,488	-	15,790,134
	2,496,822,142	1,756,454,728	10,902,800,320	10,350,690,828	958,616,855	770,358,933

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo các ngân hàng và cá nhân						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN ⁽¹⁾	19,362,265,875	19,362,265,875	34,493,370,703	50,849,674,718	3,005,961,860	3,005,961,860
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN ⁽²⁾	-	-	15,323,933,360	5,525,810,420	9,798,122,940	9,798,122,940
- Vay cá nhân	-	-	506,814,000	506,814,000	-	-
	19,362,265,875	19,362,265,875	50,324,118,063	56,882,299,138	12,804,084,800	12,804,084,800

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 3180-LAV-201500978 ngày 29/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất pin các loại;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 10 tháng, từ ngày ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này đến 12/03/2016;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ, tại thời điểm ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này là 3%/năm với USD và 7%/năm với VND;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.005.961.860 đồng
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Nghĩa vụ trả nợ của Công ty được bảo đảm bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Agribank và tại các tổ chức tín dụng khác cùng với các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201500141 ngày 23/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Là lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân, áp dụng cho từng lần giải ngân;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 9.798.122.940 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có tài sản đảm bảo. Công ty cam kết dùng nguồn thu từ xuất khẩu để bổ sung biện pháp bảo đảm nợ vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.

- + Ban Giám đốc đã có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, các mảng việc đều có lãnh đạo phụ trách trực tiếp nhờ vậy việc quản lý, điều hành doanh nghiệp được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mang lại hiệu quả cao. Công ty đã sắp xếp lại lao động, kiện toàn bộ máy quản lý hướng đến mục tiêu không ngừng nâng cao năng suất lao động, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bộ máy quản lý được tinh giảm, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, bộ môn quản lý được lồng ghép theo hướng chuyên môn hóa cao tránh chồng chéo. Công ty đã xây dựng được lực lượng lao động chuyên nghiệp, lành nghề và toàn tâm toàn ý với sự phát triển của công ty.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng sản phẩm: công ty đã hoàn thiện quy trình sản xuất pin không có thủy ngân và Cadimi theo tiêu chuẩn xuất khẩu đối với sản phẩm pin R6, R03 và R14 tiêu thụ trong nước nhằm loại bỏ hoàn toàn nguy cơ ô nhiễm Cd và Hg trong quá trình sản xuất pin xuất khẩu, phù hợp với yêu cầu về môi trường trong vấn đề sử dụng Cd và Hg trong sản xuất pin, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm tiêu thụ trong nước khi các nhà sản xuất khác chưa có được sản phẩm “sạch” hơn, trên cơ sở

- đảm bảo hiệu quả và khả năng cạnh tranh về giá. Đối với Pin R20, trước mắt loại bỏ việc bổ sung Cadimi vào kẽm, tiếp tục nghiên cứu để có giải pháp tốt nhất về chi phí sản xuất và hiệu quả đối với sản phẩm pin R20 để loại bỏ Hg trong giấy tầm hồ. Chính thức từ ngày 22 tháng 3 năm 2015 đã loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng Cadimi trong công ty.
- + Đã tiếp cận với việc triển khai nghiên cứu bước đầu để có giải pháp thay thế chì bằng vật liệu khác sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của thị trường, trước mắt là thị trường xuất khẩu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Các chỉ tiêu cơ bản:

Trên cơ sở kết quả đã đạt được năm 2015, phân tích và đánh giá thị trường nội địa cũng như nhu cầu xuất khẩu của cổ đông chiến lược năm 2016 công ty phấn đấu và quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản sau:

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ:

Tổng sản lượng sản xuất phân đấu: 385 triệu viên

Trong đó:

Pin R20: 35 triệu viên.

Pin R6: 250 triệu viên; Trong đó xuất khẩu: 100 triệu viên

Pin R03: 100 triệu viên; Trong đó xuất khẩu: 70 triệu viên.

Doanh thu: 327 tỷ đồng.

Lợi nhuận: 21,5 tỷ; Trong đó: Từ hoạt động sản xuất kinh doanh và cho thuê mặt bằng và nhà xưởng, hiệu quả từ việc chuyển nhượng tài sản của công ty TNHH một thành viên tham gia góp vốn vào liên doanh là 1,5 tỷ đồng.

Cổ tức: Tối thiểu 20%.

Các chi phí cơ bản:

Khấu hao cơ bản: 4,5 tỷ.

Chi phí bán hàng: Không tăng so với năm 2015; Cụ thể là tối đa 9% doanh thu.

Về đầu tư: Đầu tư các thiết bị phụ trợ để đồng bộ năng lực sản xuất toàn công ty; Đầu tư xe con 4 chỗ phục vụ công tác và bổ sung năng lực vận tải.

Biện pháp tổ chức thực hiện:

+ **Về công tác tổ chức:**

- Xây dựng lộ trình cụ thể để bổ nhiệm chức danh giám đốc và một phó giám đốc phụ trách thị trường và tiêu thụ theo quy hoạch để công ty có bộ máy mới hoàn thiện đáp ứng yêu cầu đòi hỏi công tác quản lý ngày càng cao.
- Đánh giá lại năng lực trình độ của cán bộ, công nhân, đào tạo lại hoặc thay thế và tuyển mới những người không đạt yêu cầu.

- Hoàn thiện và củng cố công tác cán bộ chủ chốt ở một số phòng và phân xưởng quan trọng nhằm đáp ứng được yêu cầu chủ động trong công việc, tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch của công ty thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Mục tiêu là các phòng và phân xưởng phải hoàn thành tốt nhiệm vụ tham mưu cũng như tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, chủ động hơn nữa và chịu trách nhiệm hơn nữa với kết quả công việc của chính các phòng và phân xưởng.

Đối với phòng Tài chính kế toán: Xem xét cán bộ trong công ty hoặc tuyển bổ sung nhân sự tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, có kinh nghiệm, có đủ trình độ về năng lực chuyên môn cũng như ngoại ngữ cho chức danh kế toán trưởng công ty.

Đối với phòng Kế Hoạch vật tư: Tuyển bổ sung nhân viên cho chức danh xây dựng kế hoạch, xây dựng giá thành, giá bán và phân tích tình hình thực hiện các chi phí sản xuất.

Phòng KTCĐ: Củng cố lại đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý thiết bị, sửa chữa thiết bị, bảo dưỡng thiết bị định kỳ, nghiệm thu sau sửa chữa và bảo dưỡng, chuẩn bị phụ tùng sửa chữa thay thế ...

Phòng KTCN: Tiếp tục củng cố và đào tạo nhân viên, xem xét đề bạt trưởng phòng.

Các phân xưởng: Cần phải tiếp tục củng cố hoàn thiện bộ máy quản lý và phải nâng cao hơn nữa việc thực hiện nhiệm vụ về quản lý chi phí sản xuất, quản lý thiết bị và quản sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm; Mục tiêu là các phân xưởng phải tự chịu trách và giải quyết tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ của phân xưởng. Trọng điểm tập trung vào phân xưởng pin số I và phân xưởng phụ kiện.

+ Đối với vật tư đầu vào:

- Duy trì tốt phương thức mua bán vật tư như hiện tại.
- Kiểm soát tốt giá mua các vật tư không có hợp đồng thông quan việc thẩm định và phê duyệt giá mua theo đúng quy chế.
- Phối hợp tốt với GP trong việc sử dụng các nhà cung cấp vật tư của để tận dụng cơ hội mua được giá thấp hơn do quy mô lớn cho cả hai bên đối với các vật tư nhập khẩu.
- Trên cơ sở hợp đồng khung đã ký với GP về các điều khoản liên quan đến chất lượng, tiến độ giao hàng...xây dựng để bổ sung các điều khoản ràng buộc với các nhà cung cấp vật tư nhằm nâng cao trách nhiệm của các nhà cung cấp vật tư khi không đáp ứng các yêu cầu về tiến độ giao hàng, chất lượng cũng như các chi tiêu liên quan đến môi trường nhằm hạn chế tối đa rủi ro cho sản phẩm của công ty theo các điều khoản đã cam kết với khách hàng.
- Cân đối vật tư hợp lý hơn, giảm tồn kho tới mức tối thiểu có thể; Đối với kẽm thời cố gắng để tham gia đấu thầu mua với giá thấp nhất và số lượng tối thiểu là 130 tấn / tháng để dự trữ cho công ty cũng như chuẩn bị cung cấp cho Liên doanh dự kiến sẽ hoạt động đầu năm 2017 và nếu có cơ hội chênh lệch giá sẽ bán để giảm tồn kho cũng như ứ đọng vốn.
Hàng tháng, trên cơ sở kế hoạch sản xuất và tiêu thụ xây dựng kế hoạch mua nguyên vật tư chính trình giám đốc phê duyệt thay cho việc cân đối theo từng đợt nhận hàng.
- Củng cố sửa chữa lại hệ thống kho vật tư để đảm bảo an toàn cho vật tư, bảo quản khoa học và hạn chế tối đa tác động của điều kiện môi trường có hại cho vật tư.

+ Đối với thị trường và tiêu thụ:

- Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các đại lý của công ty, giữa các vùng vẫn còn xuất hiện, mặc dù đã có biện pháp nhưng chưa triệt để cần phải có biện pháp tốt hơn để đảm bảo quyền lợi cũng như hiệu quả của các đại lý, tăng lợi nhuận cho đại lý theo mong muốn của công ty thông qua đó tạo niềm tin tốt hơn nữa giữa khách hàng và công ty.

- Thay đổi chính sách bán hàng để giảm số đại lý thanh toán chậm và tăng số đại lý thanh toán ngay nhằm đảm bảo an toàn vốn cũng như tăng vòng quay vốn lưu động; Tăng tỷ lệ ký quỹ của các đại lý thông qua chính sách bán hàng.
- Bám sát thị trường nhằm bổ sung chính sách bán hàng tiếp thị, khuyến mại đảm bảo giữ vững và tăng thị phần so với các sản phẩm cùng loại khác.
- Thực hiện tốt và quản lý chặt chẽ việc đối chiếu, xác nhận công nợ hàng tháng.
- Kiểm soát thường xuyên và điều đặn tình hình của các đại lý, các nhà phân phối thông qua đó đánh giá phát hiện nguy cơ có thể mất khả năng kinh doanh để có biện pháp kịp thời.
- Đối với các khách hàng môi giới xuất khẩu sang Lào và Campuchia xây dựng biện pháp cụ thể để ràng buộc trách nhiệm với dư nợ. Sản lượng tiêu thụ qua kênh này năm 2015 đã có tăng trưởng tốt có biện pháp để duy trì và tiếp tục tăng.
- Đối với chi nhánh: Kết quả năm 2015 đã tăng trưởng cao nhưng dư nợ vẫn đang lớn; Tiếp tục có biện pháp để giảm dư nợ và duy trì mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ tại thị trường phía nam theo nhiệm vụ công ty đã giao năm 2016 cho chi nhánh.
- Hoàn thiện hồ sơ các khoản nợ khó đòi đủ điều kiện để xóa nợ cũng như tìm biện pháp thu hồi nợ khó đòi.

+ Công tác tài chính kế toán, kiểm soát chi phí, sử dụng vốn:

Mục tiêu:

Bằng mọi biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối vốn của công ty và sử dụng vốn có hiệu quả cao nhất. Các yếu tố chủ quan gây ảnh hưởng tới vốn cũng như hiệu quả sử dụng vốn của công ty xử lý theo đúng quy chế.

Biện pháp:

- Sửa đổi và ban hành lại quy chế tài chính của công ty.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hàng tháng.
- Tổ chức kiểm kê hàng quý như kiểm kê kết thúc năm tài chính để có cơ sở lên báo cáo quyết toán quý chính xác nhất.
- Hàng tháng tổ chức việc hạch toán định mức vật tư xong trước ngày 8 tháng sau. Phân tích và tìm ra các nguyên nhân tăng giảm trong tháng để xử lý kịp thời các cá nhân đơn vị vi phạm và có ngay biện pháp khắc phục.
- Kết thúc hàng tháng 10 ngày đầu tháng sau phải có được kết quả, phân tích các chi phí và phải tìm ra các nguyên nhân tăng giảm để điều chỉnh kịp thời.
- Sử dụng các gói tín dụng hiệu quả nhất của các ngân hàng lớn trong hệ thống ngân hàng, tận dụng tối đa chính sách khuyến khích xuất khẩu của nhà nước trong các lĩnh vực tín dụng, ưu đãi thuế theo đúng quy định.
- Kiểm soát thanh toán tiền hàng và thu tiền hàng theo đúng hợp đồng và quy định của pháp luật.
- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy chế tài chính của công ty.

+ Công tác quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm:

Mục tiêu: 100% CBCNV của công ty phải chịu trách nhiệm đến cùng với kết quả công việc của chính mình ở mức độ quy định cho từng công việc.

Biện pháp:

- Kiểm tra lại kiến thức, tay nghề của CBCNV theo nhiệm vụ trên cơ sở đó đào tạo lại hoặc thay thế. Đảm bảo 100% CBCNV phải hiểu đúng đủ công việc và trách nhiệm của mình phải làm việc trong thời gian lao động. Mỗi người lao động phải viết được các công việc của làm trong ngày theo quy trình và quy định.
- Xây dựng lại nội quy lao động, quy chế làm việc, quy định và hướng dẫn kiểm tra công việc trong toàn công ty cho từng vị trí làm việc tiến tới mỗi CBCNV là một nhân viên kiểm tra quy trình làm

việc của chính mình; Khắc phục tình trạng cấp trên phải kiểm tra lại cấp dưới, KCS kiểm tra công nhân bằng việc mọi người phải tự kiểm tra công việc của chính mình trước khi chuyển sang công đoạn sau hoặc báo cáo cấp trên.

- Xây dựng lại quy chế trả lương theo hướng phạt trừ ít nhất 100% tiền thưởng trong lương hàng tháng và thưởng năm đối với tất cả các vi phạm nghiêm trọng và không hoàn thành nhiệm vụ; Xây dựng quy chế tiền lương cho các phòng ban và phân xưởng theo hướng tăng quyền chủ động cho các đơn vị đồng thời xử lý khi không hoàn thành nhiệm vụ.
- Duy trì có hiệu quả đội kiểm tra thực hiện nội quy lao động của công ty.

+ Công tác kỹ thuật:

- Xây dựng lại quy trình kiểm tra nguyên vật liệu, bán thành phẩm, phụ tùng khuôn mẫu theo hướng tăng tần suất và đầy đủ các tiêu chí một cách khoa học.
- Trang bị đầy đủ phương tiện kiểm tra cần thiết.
- Đánh giá lại toàn bộ thiết bị trong công ty để có biện pháp sửa chữa bảo dưỡng định kỳ. Mục tiêu: sửa chữa trước khi máy hỏng, trước khi gây sự cố đến chất lượng sản phẩm. Cải tạo hoặc đầu tư thiết bị mới đáp ứng yêu cầu chất lượng sản phẩm ngày càng cao cho thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Xây dựng bổ sung các tiêu chí nghiệm thu máy, quy trình nghiệm thu máy sau khi bảo dưỡng sửa chữa.
- Khảo sát và xây dựng giới hạn dừng máy cho tất cả các công đoạn sản xuất trong toàn công ty một cách khoa học, phù hợp và xây biện pháp theo dõi quản lý giới hạn đó, mỗi vị trí vận hành phải chủ động dừng máy khi vượt giới hạn cho phép.
- Duy trì và phát huy tốt cũng như thường xuyên bổ sung quy trình kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị đầu ca sản xuất cũng như trong ca.
- Tách bộ phận KSC thành bộ phận độc lập với phòng KTCN, trước mắt dưới sự hướng dẫn và điều hành của GP.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống ISO theo phiên bản mới khi hết hiệu lực.
- Phụ tùng thay thế và phụ tùng khuôn mẫu: Tìm các đối tác trong nước để giảm tối đa phụ tùng, khuôn mẫu phải nhập khẩu, đối với các chi tiết phải nhập khẩu cần đối dự phòng phù hợp cho tăng quý.
- Hoàn thiện công nghệ và sản xuất sản phẩm pin R6 có mức chất lượng cao hơn theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu và trong nước trên dây chuyền mới. Sản phẩm tháng 7 có sản phẩm mới đảm bảo tiêu chuẩn cho thị trường Hàn Quốc và kênh tiêu thụ mới của thị trường Ấn Độ cũng như thị trường khác.

+ Về lao động và tiền lương:

- Thu nhập:
Đơn giá tiền lương không tăng so với đơn giá của năm 2015. Trên cơ sở quỹ tiền lương kế hoạch xây dựng lại quy chế trả lương chặt chẽ hơn nữa, tiền lương hàng tháng được phân bổ cho đầy đủ các nhiệm vụ mà từng CBCNV phải thực hiện trong ngày, trong tháng và cả năm...không trả lương cho các nội dung không thực hiện hoặc thực hiện không tốt và ngoài ra xử lý theo nội quy lao động, hoàn thành tốt hưởng đủ lương cố định và được thưởng theo đơn giá. Kiểm soát lại việc chi trả lương của các đơn vị, tuyệt đối cấm việc các đơn vị trả lương hoặc hỗ trợ thu nhập cho các cá nhân, bộ phận làm ra sản phẩm lỗi hoặc phải xử lý.
 - Về lao động: Trên cơ sở đánh giá lại toàn bộ lao động trong công ty để phân loại lao động cụ thể, từ đó có biện pháp đào tạo lại hoặc thay thế bổ sung phù hợp với nhu cầu và yêu cầu quản lý mới.
- 8/ Sử dụng hệ thống công nghệ thông tin: Trên cơ sở hệ thống bảo mật thông tin đã có, cán bộ quản trị mạng đã có, tiếp tục đào tạo và quản lý các giao dịch qua mạng tốt hơn, phát huy tối đa hệ thống thông tin cũng như hệ thống Camera trong quản lý và điều hành sản xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối trong khả năng của công ty.

+ Các nhiệm vụ khác:

- Về việc giải thể công ty TNHH một thành viên pin Hà Nội tại Hà Nam:
Căn cứ Nghị Quyết của địa hội đồng cổ đông, công ty đã tiến hành các bước theo quy trình và đang tiến hành quyết toán để làm các thủ tục giải thể theo quy định;
 - Vấn đề tham gia góp vốn thành lập liên doanh: Hiện liên doanh đang tiến hành các bước thẩm định thiết kế và chuẩn bị đấu thầu xây dựng nhà máy, trong quá trình xây dựng nhà máy sẽ tiến hành đầu tư thiết bị.

Kế hoạch của Liên doanh năm 2016 và 2017:

* Về đầu tư nhà xưởng: Đầu tư nhà xưởng với tổng diện tích khoảng 13.000m² nhà xưởng và nhà văn phòng. Với quy mô đảm bảo lắp đặt được 8 dây chuyền pin có công suất tối đa là 160 triệu viên pin/tháng.

* Đầu tư thiết bị:

1 dây chuyền sản xuất pin R6 đồng bộ cho sản phẩm cuối cùng là pin nhãn PVC ép vi giấy và màng PVC định hình; Công suất thiết kế là 600 cái/ phút. Dây chuyền mới 100%

1 Dây chuyền sản xuất pin R03 đồng bộ cho sản phẩm cuối cùng là pin nhãn PVC, ép vi giấy; Công suất 600 cái/ phút, dây chuyền mới 100%.

Dự kiến nhà máy sẽ đi vào hoạt động trong quý I năm 2017. Sản phẩm của nhà máy sẽ sản xuất với nhiều thương hiệu: GP, Toshiba, Panasonic, Energizer... Các nhãn hiệu pin hiện và thị trường công ty đã và đang xuất khẩu vẫn do công ty xuất khẩu: Godrej, Rayovac, Power plus.

Kế hoạch từ năm 2017 trở đi: Sẽ tiếp tục đầu tư bổ sung thêm các dây chuyền và sẽ đầu tư nhà xưởng để sản xuất các sản phẩm mới mà trong nước chưa sản xuất được: Pin 9v, pin kiềm, và pin sạc.

Từ quy mô trên, chắc chắn vốn đầu tư sẽ lớn hơn nhiều; Do vậy công ty phải chuẩn bị cân đối nguồn vốn để góp vốn bổ sung theo nhu cầu; Phân đầu giữ được tỷ lệ góp vốn 30%. Nguồn cân đối dự kiến từ một phần lợi nhuận hàng năm, từ vốn tự có của công ty, từ tăng vốn điều lệ hoặc nguồn khác.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Tại thời điểm tháng 12 năm 2015 Công ty thực hiện ký hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Pin GP Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD trong đó Công ty đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ của liên doanh. Công ty TNHH Pin GP Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại ngày 08/12/2015. Tuy nhiên tới thời điểm 31/12/2015 Công ty chưa thực hiện chuyển tiền góp vốn. Tới ngày 07/03/2016 Công ty đã thực hiện góp xong 100% số vốn đã cam kết.

Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty con) đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan tới việc chuyển quyền sở hữu dự án "Nhà máy sản xuất pin" tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam cho Công ty TNHH Pin GP Việt Nam (Công ty TNHH Pin GP Việt Nam đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/12/2015). Tuy nhiên Công ty

con chưa hoàn thiện xong thủ tục bàn giao đồng thời Công ty đang gửi công văn số 05/CV ngày 15/12/2015 tới Cục thuế tỉnh Hà Nam về việc hướng dẫn lập hóa đơn giá trị gia tăng nhưng vẫn chưa nhận được trả lời nên chưa phát hành hóa đơn để ghi nhận doanh thu giá vốn của hoạt động này. Doanh thu hợp đồng chuyển nhượng là 24.075.000.000 đồng và giá trị dự án của Công ty con tới thời điểm 31/12/2015 là 22.354.726.013 đồng. Đến thời điểm 18/01/2016 Công ty đã thực hiện bàn giao và hoàn tất thủ tục chuyển nhượng lô đất này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân. Hệ thống này được sử dụng từ năm 1960 và đến nay vẫn đang phải hoạt động vì chưa có nguồn nước sạch của Thành phố cung cấp.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m³/ ngày.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2015: 24.879.913 đồng/ tháng

- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2015: 1.000.000 đ/ người

- Tổng chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động năm 2015: 33.850.000 đồng

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community

- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội từ thiện trong năm 2015: Trên 10.000.000 đồng

- Tổng số tiền tham gia đầu tư nâng cấp chỉnh trang tuyến đường giao thông do địa phương quản lý trong năm 2015: 90.000.000 đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Đánh giá về mặt chỉ tiêu số lượng về cơ bản công ty đã hoàn thành được các chỉ tiêu đã đề ra nhưng còn tồn tại ở một số khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, các rủi ro vẫn tồn tại trong công ty, quản lý và điều hành rất vất vả và từ giám đốc, các phó giám đốc cho đến toàn bộ CBCNV nhưng hiệu quả công việc chưa cao và vẫn còn chứa đựng rủi ro. Phiên họp tháng 3 năm 2016, HĐQT đã nghiêm túc kiểm điểm và chỉ ra các rủi ro có nguy cơ và đề ra các giải pháp cụ thể ở từng lĩnh vực:

1.1/ Về quản lý và tài chính:

- Rủi ro về thanh toán khi thanh toán quốc tế: Trong năm đã ít nhất 2 lần bị tấn công trên mạng trên mạng thông qua việc sử dụng địa chỉ Iemail của khách hàng Ấn Độ về vấn đề thanh toán tiền mua hàng và công ty đã phát hiện kịp thời và dừng thanh toán, mặc dù chúng ta phát hiện được và không thanh toán tiền nhưng không tìm hiểu kỹ để có biện pháp phòng ngừa triệt để nên dễ xảy ra lần 2 với giá trị lớn hơn gây thiệt hại cho chính khách hàng của chúng ta. Biện pháp: Đã thực hiện việc bảo mật hệ thống thông tin của công ty, tuyển dụng nhân viên IT để quản trị mạng nhưng mới chỉ là bước đầu, cần phải đào tạo và cập nhật thêm kiến thức cũng như tính đến các nguy cơ có thể xảy ra khi phần lớn các giao dịch xuất khẩu, nhập khẩu đang thực hiện qua mạng Internet..
- Các rủi ro trong việc nhập hàng và thanh toán tiền hàng cũng luôn luôn tiềm ẩn nếu như không kiểm soát chặt chẽ giá mua, giá bán theo hợp đồng từ khâu nhập hàng, viết hóa đơn, phần mềm đến việc lập chứng từ và ký chứng từ. Mặc dù chưa xảy ra thiệt hại nhưng cần phải tiếp tục củng cố.
- Rủi ro trong vấn đề làm chủ hiệu quả sản xuất kinh doanh của tháng, quý, năm: Tồn tại ở công tác kiểm kê nếu không chính xác sẽ dẫn đến báo cáo kết quả không chính xác, phân tích các chi phí sản xuất không chính xác, từ đó dự kiến cho năm sau sẽ không chính xác, việc tổng kết đánh giá các chi phí tăng và giảm vẫn chưa được coi trọng và thực hiện nghiêm túc: Chi phí vật tư, chi phí nhiên liệu, chi phí bán hàng.... Do vậy phải củng cố lại bộ phận phân tích, đánh giá các chi phí sản xuất, chi phí bán hàng hàng tháng, tìm ra các nguyên nhân tăng giảm để khắc phục và phải làm chủ hoàn toàn về kế hoạch đã đề ra.
- Rủi ro trong công nợ với đại lý, khách hàng, xác nhận số dư công nợ và kiểm soát số dư công nợ đó, các năm gần đây dư nợ đại lý liên tục giảm nhưng xuất hiện nợ khó đòi với giá trị thấp nhưng hoàn toàn có nguy cơ.

Nguyên nhân chủ yếu ở đây là các cấp lãnh đạo và nhân viên ở một số vị trí, cương vị công tác chưa hoàn thành nhiệm vụ thực sự mà công ty chưa xử lý nghiêm túc hoặc chế độ đãi ngộ chưa hợp lý, hoặc người lãnh đạo cấp trên chưa giải quyết dứt điểm và dứt khoát.

1.2/ Về sản xuất và chất lượng sản phẩm: Sau sự cố chất lượng từ việc khách hàng khiếu nại, chúng ta đã nhận thấy công tác quản lý thực sự còn yếu kém và toàn bộ công ty đã tập trung cao cho việc củng cố lại toàn bộ hệ thống quản lý chất lượng dưới sự hướng dẫn của GP và kết quả chúng ta tự đánh giá cũng như GP đánh giá bước đầu là tốt và dần dần đã đi vào ổn định cho từng loại sản phẩm cũng trong toàn công ty và các lĩnh vực liên quan đến chất lượng. Tuy nhiên đánh giá kỹ và đúng vẫn chưa đạt được yêu cầu vì vẫn còn các nguy cơ rủi ro trong sản xuất liên quan

đến chất lượng sản phẩm. Do vậy cần phải chỉ rõ các rủi ro đó với nguyên nhân và biện pháp cụ thể để hoàn toàn yên tâm đối với tất cả sản phẩm do công ty sản xuất ra, từ đó tự tin nhận đơn hàng yên tâm để sản xuất, tăng hiệu quả hơn nữa.

Quan điểm là mong muốn nhận được đơn hàng xuất khẩu nhiều nhất có thể nhưng nguy cơ luôn luôn có là tiến độ giao hàng không kịp, chất lượng sản phẩm luôn chứa đựng rủi ro không đảm bảo ở tất cả các công đoạn sản xuất, tổ chức sản xuất rất vất vả trong toàn công ty, biến động liên tục.

1.2.1 Công đoạn trộn bột cực dương: Tạm ổn định với các cải tiến đã áp dụng trong năm nhưng vẫn xảy ra việc phối liệu không đúng quy trình. Nguyên nhân là ý thức của công nhân.

1.2.2 Công đoạn sản xuất ống kẽm: Tất cả các công đoạn đều rủi ro.

- Nấu cán kẽm: Thành phần kẽm cán không đảm bảo lẫn nhiều kim loại nặng có hại cho sản phẩm và chất lượng bề mặt kẽm cán, quy trình đánh xỉ thực hiện không tốt, nguyên nhân ý thức của công nhân, tạp chất lẫn trong các bán thành phẩm kẽm không được loại trừ triệt để, nghiệm thu kẽm cán chưa đủ các chỉ tiêu cần kiểm tra, chưa có quy trình vệ sinh lò để loại bỏ tạp chất có hại cho sản phẩm; Kích thước phôi đúc và chiều dày cán thay đổi rất nhiều sau 10 năm đầu tư nhưng chưa phân tích và đánh giá mức độ ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm để khắc phục, cải tạo.

- Dập đồng xu: Máy dập, kích thước chày cối dập đồng xu không đảm bảo dẫn đến hiện tượng đồng xu không đảm bảo gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm ở các công đoạn sau.

- Dập ống kẽm: Ổn định nếu như khuôn mẫu ổn định, đồng xu ổn định.

- Cắt via ống kẽm: Liên tục biến động về chất lượng ống sau cắt via, nguyên nhân chủ yếu là công tác sửa chữa thiết bị, căn chỉnh thiết bị, trình độ tay nghề của công nhân, tiêu chuẩn nghiệm thu chưa rõ ràng, người công nhân, cán bộ quản lý cũng như nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm chưa thực hiện đúng quy trình kiểm tra cũng như nhận dạng lỗi.

1.2.3 Công đoạn sản xuất pin đơn: Đã được cải thiện rất nhiều về tỷ lệ lô sản phẩm phải kiểm lại về chỉ tiêu thủng chày khi phóng điện về độ đồng đều thời gian phóng điện, điện áp cũng như cường độ dòng điện nhưng vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro do ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, tăng chi phí, biến động sản xuất: Dây bột, thùng chày, bẹp thân, via sau viên, làm kín, lệch bát nhựa ... Nguyên nhân: 100% do thiết bị và người vận hành.

Đối với công nhân vận hành: Ý thức làm việc chưa tốt trong việc kiểm tra sản phẩm do mình sản xuất và tình trạng thiết bị tại vị trí làm việc của chính mình.

Công tác bảo dưỡng thiết bị và nghiệm thu thiết bị sau bảo dưỡng và đại tu chưa đạt yêu cầu, khi xảy ra sự cố do thiết bị giải quyết không triệt để, chưa tìm ra nguyên nhân chính để giải quyết triệt để...

Kỹ thuật công nghệ: Khi chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu việc đánh giá nguyên nhân chưa hết dẫn đến khắc phục không triệt để.

Áp dụng các quy trình kiểm tra trong sản xuất chưa toàn diện, chưa đủ để ngăn chặn các sản phẩm lỗi cho các công đoạn sau và thậm trí đến khi xuất hàng mới phát hiện được.

Ý thức trách nhiệm của người kiểm tra trong sản xuất chưa tốt, chưa nghiêm túc.

1.2.4 Công đoạn thành phẩm: Biến động rất lớn ở vật tư đầu vào chế độ nhiệt, thiết bị: Nhấn biến dạng, rách nhãn, ép vi không đạt yêu cầu về độ bám dính cũng như thử rơi, quy trình kiểm tra trong sản xuất thiếu dẫn đến có lô hàng chuẩn bị xuất hàng mới phát hiện được..

1.3/ Uy tín lãnh đạo và việc chấp hành quy định, quyết định của công ty, thực hiện chỉ đạo của cấp trên:

Có một số lĩnh vực chưa tốt, không thực hiện đúng chỉ đạo dẫn đến không phát huy được chuyên môn nghiệp vụ cũng như tay nghề ở lĩnh vực đó và gây ảnh hưởng đến hiệu quả. Còn một số việc cấp trên giao có tiến độ, có thời gian nhưng thực hiện không đúng thậm trí không làm,...Nguyên nhân do uy tín hoặc quyết định không đúng. Trong đó có cả các quyết định của giám đốc, nghị quyết của HĐQT

Các tồn tại và rủi ro trên nếu không được khắc phục triệt để sẽ là nguy cơ ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng sản xuất, các đơn hàng xuất khẩu, đến việc làm và thu nhập cũng như hiệu quả và sự ổn định của công ty; Uy tín thương hiệu và uy tín của công ty cả trong nước và thị trường thế giới; Ảnh hưởng nghiêm trọng đến khách hàng nhất là GP cũng như các khác hàng đang mua sản phẩm của công ty.

Để khắc phục triệt để các tồn tại nêu trên từng thành viên trong ban giám đốc, các trưởng phòng, quản đốc và cán bộ quản lý phải thực hiện đúng chức năng của chính mình: Tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện và kiểm tra kết quả thực hiện; Mỗi nhân viên, cán bộ công nhân viên phải chịu trách nhiệm đến cùng với công việc của mình, kiểm tra đầu vào công việc của mình, và kiểm tra chính lại kết quả công việc của chính mình, không được ỷ lại vào sự kiểm tra của cấp trên hoặc của đơn vị khác.

HĐQT đã dành nhiều thời gian của các phiên họp cho vấn đề này và yêu cầu các thành viên hãy kiểm điểm và đánh giá đúng đủ các nội dung tồn tại nêu trên và đề xuất các giải pháp về quyền, quyền lợi và trách nhiệm cũng như cơ chế nhằm khắc phục triệt để các tồn tại.

Nguyên nhân của các tồn tại trên là:

Quản lý kỷ luật lao động chưa chặt chẽ và nghiêm túc trong toàn công ty, chưa xử lý nghiêm túc các vi phạm của người lao động cũng như các đơn vị.

Đào tạo lại lao động: Chưa đạt yêu cầu, người lao động chưa nhận rõ trách nhiệm của mình trong việc kiểm tra toàn bộ quá trình làm việc của mình.

Con người: Ý thức làm việc chưa thực sự tốt ở cả công nhân vận hành, nhân viên chuyên môn, người quản lý các cấp và người kiểm tra trong sản xuất.

Hiệu quả sử dụng lao động chưa cao, chưa phát huy được hết nguồn lực con người hiện có theo đúng chuyên môn và năng lực.

Thiết bị: Chưa đảm bảo, nghiệm thu thiết bị sau bảo dưỡng sửa chữa chưa đạt yêu cầu.

Công nghệ: Chưa tìm ra đầy đủ các nguyên nhân chính để khắc phục triệt để, quy trình kiểm tra chưa đầy đủ và thực hiện không đúng.

Theo yêu cầu quản lý mới chúng ta cần tập trung khắc phục và có biện pháp giải quyết triệt để các nguyên nhân trên.

Trách nhiệm đầu tiên đó là chủ tịch HĐQT và giám đốc công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình không kiểm soát tốt các lĩnh vực nên vẫn để tồn tại các vấn đề nêu trên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận Ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, những rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2016

- Bám sát nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Hoàn thành thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.
- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGĐ cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty

phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.

- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một số hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.

- Có kế hoạch chuẩn bị nhân sự HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2022 gồm số lượng, cơ cấu và dự kiến nhân sự trình Đại Hội thường niên 2017 xem xét quyết định.

- Tùy theo điều kiện và diễn biến thực tế, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.

- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội cổ đông ủy quyền giải quyết...

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 260.250 cổ phần

- Ông Nguyễn Tiến Triển: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh: 1954 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 35.764 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1962 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 84.272 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 5.517 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn : Chức vụ UV HĐQT - TP Tài chính Kế toán

Năm sinh 1973 Trình độ Cử nhân kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 12.000 cổ phần

- Bà Quek Guet Nghoh: Chức vụ UV HĐQT

Năm sinh: 1961 Chức vụ UV HĐQT - Quốc tịch Singapore

Thành viên độc lập, không điều hành

- Ông Ip Chau Sing: Chức vụ UV HĐQT

Năm sinh: 1952 Chức vụ UV HĐQT - Quốc tịch Hong Kong – Trung quốc

Thành viên độc lập, không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Để thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, Tính từ thời điểm sau Đại hội cổ đông năm 2015 HĐQT Công ty đã tổ chức 10 cuộc họp và xin báo cáo trước Đại hội những nội dung cơ bản sau:

c.1/ Nội dung cuộc họp lần 1:

Ngay sau khi kết thúc phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2015; HĐQT họp triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông, tổ chức công bố thông tin về kết quả đại hội theo quy định.

c.2/Nội dung phiên họp lần 2:

Ngày từ ngày 3 đến 5 tháng 9 năm 2015 với Thành phần: thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2012-2017(trong đó: các ủy viên HĐQT phía GP được xin ý kiến qua email), HĐQT thảo luận và ủy quyền cho thành viên Ban Giám đốc Công ty tham gia đấu giá kèm thời do VIMICO tổ chức và ký hợp đồng mua kèm thời của VIMICO cho 4 tháng cuối năm 2015.

c.3/Nội dung phiên họp lần 3: Ngày 17/9/2015 với Thành phần: thành viên HĐQT Nhiệm kỳ 2012-2017 (Bà Quek Guet Nghoh vắng mặt)

HĐQT đã thảo luận và thống nhất trình Đại hội cổ đông phê duyệt dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản các nội dung liên quan đến:

- Góp vốn liên doanh với tập đoàn Pin quốc tế GP theo tỷ lệ Habaco góp 30%, GPBI góp 70% thành lập Công ty TNHH 2 thành viên tại KCN Hòa Mạc
- Giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội
- Phương thức góp vốn liên doanh
- Ủy quyền cho HĐQT đàm phán giá trị quyền thuê cơ sở hạ tầng tại KCN Hòa Mạc.

c.4/ Nội dung cuộc họp lần 4: Ngày 25/9/2015 với Thành phần: HĐQT và đại diện BKS Nhiệm kỳ 2012-2017 (trong đó: các ủy viên HĐQT phía GP thảo luận qua điện thoại)

- Báo cáo việc triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông 2015
- Báo cáo một số nội dung liên quan đến việc triển khai xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc giải thể công ty TNHH MTV Pin Hà Nội và hợp tác liên doanh.
- Báo cáo thảo luận về công tác cán bộ chuẩn bị các điều kiện bổ nhiệm 1 Phó Giám đốc.
- Thông qua kết quả dự kiến 9 tháng và dự kiến cả năm 2015.

c.5/ Nội dung cuộc họp lần 5: Từ ngày 18/11/2015 đến ngày 19/11/ 2015 với Thành phần: HĐQT và đại diện BKS Nhiệm kỳ 2012-2017

- Thảo luận và thông qua kết quả SXKD 9 tháng năm 2015, dự kiến kết quả cả năm 2015.
- Thảo luận và thông qua báo cáo quyết toán các Quý II; Quý III.
- Thông qua báo cáo Ban Kiểm soát Q2; Q3 năm 2014
- Thảo luận và dự kiến kết quả SXKD 2015 (Mục ti Thảo luận và dự kiến kết quả SXKD 2015 (Mục tiêu QIV – 2015)
- Thảo luận về dự kiến kế hoạch 2016
- Thảo luận và thông qua kế hoạch đầu tư năm 2016.
- Thảo luận và thông qua Kế hoạch SXKD năm 2016.
- Thảo luận về các phương án nhân sự đại diện phần vốn của Habaco tại Công ty liên doanh. Quyết định cử nhân sự tham gia đại diện phần vốn của Habaco tại Công ty liên doanh gồm:

1- Ông Phạm Văn Nghĩa

2- Ông Nguyễn Thanh Quang

c.6/ Nội dung cuộc họp lần 6: Ngày 17/12/2015 với Thành phần: HĐQT Nhiệm kỳ 2012-2017. (Phía GP trao đổi qua email)

- Thảo luận và thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Giám đốc ký hợp đồng hạn mức tín dụng với các ngân hàng cho năm tài chính 2016. Trong đó:

1- Ngân hàng Eximbank CN Thủ đô: hạn mức 20 tỷ

2- Ngân hàng Nông nghiệp CN Thanh Trì: hạn mức 10 tỷ

c.7/ Nội dung cuộc họp lần 7: Ngày 18/1/2016 Thành phần HĐQT nhiệm kỳ 2012-2017 (Phía GP trao đổi qua email)

HDQT thảo luận và ủy quyền cho thành viên Ban Giám đốc Công ty tham gia đấu giá kèm thời do VIMICO tổ chức và ký hợp đồng mua kèm thời của VIMICO cho Q1 năm 2016.

c.8/ Nội dung cuộc họp lần 8: Từ ngày 15 đến ngày 16 tháng 3 năm 2016, thành phần các thành viên HDQT nhiệm kỳ 2012-2017.

- Giám đốc báo cáo và giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, thuận lợi và các tồn tại lớn và nguy cơ của công ty trong năm 2016.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Phân công nhiệm vụ các thành viên HDQT trong việc chuẩn bị đại hội đồng cổ đông trong tháng tư. Phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Xem xét và quyết định việc phân công các thành viên HDQT trong việc quản lý và điều hành tại công ty cũng như tham gia quản lý vốn và điều hành tại công ty liên doanh Pin GP Việt Nam.
- Xem xét và quyết định việc chuẩn bị nguồn vốn tham gia góp vốn liên doanh do quy mô đầu tư dự kiến sẽ lớn hơn. Quy mô và công suất thiết kế hiện đang dự kiến 8 dây chuyền 600 cái/ phút, sản lượng khoảng 6 triệu viên/ ngày. Giám đốc báo cáo.
- Xem xét quyết định nghiệm thu dây chuyền sản xuất pin đơn 600 cái/ phút, chuẩn bị điều kiện để lắp đặt, quyết định về mức chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ cho dây chuyền này. Quyết định đầu tư dây chuyền thành phẩm, thiết bị phụ trợ khác để đồng bộ năng lực sản xuất.
- Sơ bộ về công tác chuẩn bị cho đại hội cổ đông hết nhiệm kỳ năm 2017: Tập trung về công tác nhận sự của HDQT và ban kiểm soát: Cơ cấu, số lượng...
- Các yêu cầu và kiến nghị với khách hàng xuất khẩu(GP) và các yêu cầu, kiến nghị từ khách hàng trong việc ra đơn hàng tiếp nhận đơn hàng, tiến độ giao hàng và chất lượng sản phẩm.
- Thông qua việc ký hợp đồng khung giữa công ty và khách hàng nhập khẩu (GP).
- Thông qua việc chỉ đạo Hội Đồng xử lý nợ tiền hành xóa nợ đối với khoản nợ xấu liên quan đến Công ty Taian Luchen và một số khoản nợ xấu khác đủ điều kiện xóa nợ do đối tượng đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú hoặc giải thể.

c.9/ Nội dung cuộc họp lần 9: Từ ngày ngày 28 tháng 3 năm 2016, thành phần các thành viên HDQT nhiệm kỳ 2012-2017.

- HDQT thảo luận và ủy quyền cho thành viên Ban Giám đốc Công ty tham gia đấu giá kèm thời do VIMICO tổ chức và ký hợp đồng mua kèm thời của VIMICO cho Q1 năm 2016.
- Ủy quyền cho Giám đốc ký hợp đồng tín dụng hạn mức 4 tỷ với Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hà Nam.

c.10/ Nội dung cuộc họp lần thứ 10: ngày 7 tháng 4 năm 2015

- Chốt lịch Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
- Thông qua chương trình làm việc Đại hội cổ đông thường niên 2016
- Thông qua các báo cáo và tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 24.975 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Quang Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Quản đốc Phân xưởng Pin số 2. Số cổ phần sở hữu: 8.188 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015

-Thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn theo Điều lệ quy định, Ban kiểm soát luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao,thương xuyên trao đổi,góp ý kiến về trường ban để tổng hợp.

- Những hoạt động kiểm soát gắn với những nội dung mang tính định kỳ,theo quy định ghi trong Điều lệ mỗi quý BKS tổ chức họp một lần nhằm kiểm soát ,đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ,điều hành của Công ty theo nội dung từng quý có biên bản gửi cho các thành viên HĐQT,

-Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến .

Định kỳ BKS tổ chức họp theo quý & phiên cuối năm nhằm tổng kết phân tích ,đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh ,công tác điều hành trong năm ,kết quả kiểm tra ,kiểm soát trên BKS gửi thông báo đến HĐQT, Ban Điều hành theo quy định , Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

Ban kiểm soát luôn luôn được HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị, các cổ đông đã hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Các nội dung kiểm soát chủ yếu các cuộc họp được tổng hợp theo nhóm nhiệm vụ dưới đây:

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, các văn bản ban hành trong Công ty:

- Công ty thường xuyên xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy phù hợp với thực tế nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và điều hành.

- HĐQT & BĐH luôn luôn đoàn kết, nhất trí cao trong việc chỉ đạo, điều hành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 trên cơ sở NQ ĐHCĐ đề ra.

* Các chỉ tiêu chính năm 2015 đạt được như sau:

- Doanh thu thực hiện: 282.271.871.952 đồng giảm 4,84% so với năm 2014
- Lợi nhuận trước thuế : 16.137.159.414 đồng giảm 25% so với năm 2014
- Vốn điều lệ đến 31/12/2015: 51.814.430.000 đồng, tăng 17.269.430.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2015: 93.598.266.694 đồng

Kiểm soát việc chấp hành chế độ chính sách tài chính của Nhà nước và quy chế tài chính của Công ty:

- Công ty luôn đảm bảo, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách tài chính của Nhà nước và quy chế tài chính của Công ty.

- Việc chấp hành chế độ chứng từ kế toán, ghi chép, lưu giữ sổ sách chứng từ và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

- Cập nhật các thông tin, văn bản mới của Bộ Tài chính, pháp luật Nhà nước kịp thời từ đó vận dụng vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong công ty.

- Công ty thực hiện việc kê khai thuế qua mạng Intenet theo quy định BTC và nộp thuế vào ngân sách nhà nước đầy đủ, đúng thời gian quy định.

Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2015.

- Sổ sách, chứng từ kế toán, ghi chép, lưu giữ phản ánh đầy đủ chính xác theo chuẩn mực kế toán Việt Nam đúng với chế độ quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty.

- Báo cáo quý, báo cáo năm Công ty lập báo biểu và gửi Báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Hàng tháng kê khai và nộp thuế GTGT, thuế TNDN... qua mạng Intenet đúng quy định.

Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Pin Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC thực hiện đã phản ánh khách quan, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Kiểm soát việc thực hiện quy chế mua bán vật tư, tài sản:

- Việc mua vật tư Công ty đã cân nhắc, lựa chọn thời điểm thích hợp, lựa chọn phương thức thanh toán hợp lý để nhập vật tư đạt hiệu quả tốt nhất.

- Công ty đã thực hiện theo quy chế đảm bảo tính khách quan, chọn khách hàng cung cấp, tham gia các phiên đấu giá kèm thời nhằm mua được giá hợp lý và ổn định, hầu hết các loại vật tư mua vào sản xuất đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý.

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2015 Công ty đã đầu tư vào hạng mục tài sản cố định bao gồm máy móc thiết bị và thiết bị quản lý với tổng số tiền 2 tỷ, 258 triệu đồng, nhằm đảm bảo việc tăng sản lượng đáp ứng yêu cầu tiêu thụ hiện tại và lâu dài.

Kiểm soát việc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương, chi phí và sử dụng vốn.

Ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng định mức, đơn giá vật tư cho từng sản phẩm, sắp xếp phân loại lao động và đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, mặt khác để không ngừng cải thiện thu nhập và đảm bảo chế độ lâu dài cho người LĐ, Công ty đã xây dựng và duy trì Quy chế trả lương phù hợp, đối với bộ phận trực tiếp sản xuất công ty đã xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương từng công đoạn phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện làm việc ở từng bộ phận.

Về công tác kỹ thuật: Sản phẩm của chúng ta đã đáp ứng được hình thức mẫu mã bên ngoài, chất lượng tuy đã có tiến bộ nhưng còn phải cố gắng nhiều hơn nữa.

Về chi phí và khâu sử dụng vốn:

Công ty luôn cân đối giữ trữ vật tư ,thành phẩm hợp lý,đôn đốc thu nợ khách hàng kịp thời ,việc huy động vốn vay các tổ chức tín dụng phải thật cần thiết cho các lô hàng lớn và chủ yếu trả tiền vật tư nhập khẩu, tất cả những khâu sử dụng vốn hợp lý trên đã góp giảm chi phí .

Kiểm soát việc chi trả tiền lương, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, chi cổ tức

- Việc chi trả tiền lương đảm bảo đúng quy chế tiền lương và thoả ước lao động tập thể trong Công ty.

- Việc phân chia lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2015 đúng quy định theo Nghị quyết ĐHCĐ và Điều lệ Công ty.

-Trong năm HĐQT và BDH đã tổ chức , đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và đã tạm ứng cổ tức 10% cho các cổ đông.

Kiểm soát quá trình tiêu thụ sản phẩm

Công ty luôn chú trọng công tác bán hàng ,xây dựng và duy trì đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp ,cung ứng hàng đều đặn đến các đại lý ,phân công cán bộ phụ trách theo từng địa bàn khắp cả nước ,không ngừng chăm lo cho hệ thống phân phối pin ngày càng tốt hơn,chi trả quyền lợi cho các đại lý theo quy chế đầy đủ ,kịp thời .

Thường xuyên đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc việc thanh toán tiền hàng tương đối tốt .

Năm 2015 tổng sản lượng pin tiêu thụ các loại giảm đáng kể, chỉ có pin R20 tăng 5,6%, Pin R6P tăng 2,12%. Nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng pin Ro3 có sự cố nên phải tập trung khắc phục không thực hiện được các đơn hàng xuất khẩu dẫn đến không đạt được chỉ tiêu về tiêu thụ sản phẩm trong năm ,vì pin Ro3 xuất khẩu đóng vai trò chủ chốt trong việc tăng sản lượng xuất khẩu trong năm 2014 vừa qua.

Kết quả sản xuất và tiêu thụ năm 2015.

Tổng số Pin sản xuất :298.687.415. chiếc các loại giảm 9,18% so với năm 2014

Tổng số Pin tiêu thụ: 297.399.872 chiếc các loại giảm 8,81% so với năm 2014

Trong đó: Pin R20; 35.059.120 chiếc tăng 5,6 % “ “

Pin R6 : 194.335.734 chiếc tăng 2,12 % “ “

Pin R03: 67.969.506 chiếc giảm 33,76 % “ “

Nợ phải thu các đại lý:18.494768.000 đồng,gảm 29,42% “ “

Năm 2015 tuy rằng sản lượng tiêu thụ không đạt như NQ ĐHCĐ đề ra nhưng Công ty đã có sự chỉ đạo sát sao và quyết liệt cho nên đã giảm được số dư công nợ cuối kỳ,một số đại lý trước đây số dư gấp 2-3 lần mức cho phép nay đã kéo về mức quy định ,góp phần làm tăng vòng quay vốn lưu động ,làm giảm chỉ tiêu huy động vốn các tổ chức tín dụng và giảm lãi vay,mặt khác công ty đã cho xử lý công nợ khó đòi của một số đại lý phát sinh nợ xấu đã lâu không có khả năng thu hồi .

- Hoạt động ở Chi Nhánh Thành phố HCM kết quả còn thấp ,Công ty đã tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá công tác tổ chức bộ máy ,tình hình bán hàng ở chi nhánh và đã ban quy chế phù hợp để Chi Nhánh hoạt động có hiệu quả.

- Kiểm soát việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động:

Công ty đảm bảo thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động đúng quy định của Nhà nước như: BHXH, BHYT, BHTN, trang bị phương tiện BHLĐ, bồi dưỡng độc hại, nghỉ dưỡng sức, ốm đau, thai sản ,điều chỉnh tăng mức lương đóng bảo hiểm khi Nhà Nước có chủ trương tăng lương tối thiểu vùng.

Trong năm Công ty Căn cứ vào tình hình sản lượng tiêu thụ , năng lực máy móc thiết bị ,năng suất lao động để bố trí lao động hợp lý ,xét theo nguyện vọng đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động của một số lao động lớn tuổi , ốm yếu không đáp ứng được yêu cầu sản xuất .Công ty đã giải quyết cho 20 lao động nghỉ chấm dứt hợp đồng lao động từ tháng 8/2015 và Công ty có chi trợ cấp một khoản tiền cho số lao động trên trước khi nghỉ là 1.tỷ 4 triệu đồng .

Về công tác đầu tư:

Căn cứ vào tờ trình ngày 18/09/2015 của HĐQT Công ty cổ phần pin Hà nội về việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản việc tham gia góp vốn liên doanh với tập đoàn GP để thành lập Công ty TNHH hai thành viên với tỷ lệ góp vốn GP 70% , Công ty Pin Hà Nội 30%, quy mô vốn điều lệ Công ty liên doanh giai đoạn I là 6 triệu USD và giải thể Công ty TNHH một thành viên Pin Hà Nội , Công ty đã gửi văn bản tới các cổ đông với 5 nội dung liên quan đến vấn đề tham gia góp vốn liên doanh với tập đoàn GP, và giải thể Công ty TNHH một thành viên Pin Hà Nội , uỷ quyền cho HĐQT đàm phán và làm các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty .

Sau khi thu thập phiếu xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, công ty thành lập ban kiểm phiếu (có lưu biên bản kiểm phiếu) Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu ngày 15 tháng 10 năm 2015 đã ghi chi tiết số phiếu tán thành và số phiếu không tán thành của từng nội dung , kết quả cho thấy số phiếu tán thành cả 5 nội dung đều đạt tỷ lệ trên 93,40% , HĐQT thông qua tờ trình đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT triển khai thực hiện.

Công tác quản lý , điều hành của HĐQT và ban điều hành trong năm qua .

- Việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD đều tuân thủ với quy định Nhà nước, pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty.

- HĐQT gồm 7 thành viên, có 3 thành viên trực tiếp điều hành , 2 thành viên quản lý, còn 2 thành viên của GP không trực tiếp điều hành , HĐQT đã có sự phân công cụ thể phần việc cho từng thành viên chịu trách nhiệm . Trong năm HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm triển khai , đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, kiểm điểm từng phần việc của các thành viên HĐQT để từ đó rút ra kinh nghiệm chỉ đạo & điều hành tốt hơn.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang trên đà phục hồi , Công ty Cổ phần Pin Hà Nội cũng chịu sự ảnh hưởng trên, nhưng lãnh đạo Công ty đã quyết tâm tìm mọi biện pháp tháo gỡ khó khăn, cùng với tập thể Cán bộ , công nhân lao động phấn đấu , khắc phục khó khăn thực hiện tốt NQ ĐHCĐ năm 2015 đề ra , tuy rằng một số chỉ tiêu không đạt được nhưng các thành viên HĐQT và BĐH đã không ngại khó khăn , gian khổ đã cống hiến hết mình cho Công ty , nhất phía GP đã tạo mọi điều kiện có thể để nhằm mục đích xây dựng và phát triển Công ty .

Ý kiến của các cổ đông:

Trong năm Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty.

Trên đây là những nội dung, kết quả, kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát đã báo cáo trước HĐQT, Đại hội cổ đông để hội nghị nắm bắt được quá trình hoạt động SXKD, kết quả thực hiện của Công ty trong năm qua

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

Văn bản đã pháp quy liên quan đến chế độ đãi ngộ đối với các UV HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2015:

- Quy chế tiền lương năm 2015
 - Phụ cấp HĐQT và BKS theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010
- Theo đó:
- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý.
- Mức lương tháng hiện hành:

<i>Chức danh</i>	<i>Lương cơ bản</i>	<i>Thưởng</i>	<i>Phụ cấp kiêm nhiệm</i>	<i>Tổng</i>
Giám đốc	13.122.000	15.090.000	750.000	28.962.000
Phó giám đốc	10.491.000	12.064.000	0	22.555.000
Phó Giám đốc	10.491.000	12.064.000	600.000	23.155.000
Trưởng phòng – Quản đốc	7.084.000	7.510.000		14.594.000
Trưởng phòng TC-KT	7.084.000	7.510.000	2.100.000	16.694.000

- Phụ cấp HĐQT và BKS:
 - Chủ tịch HĐQT: 2.000.000/tháng
 - Ủy viên HĐQT: 1.500.000/tháng
 - Trưởng ban Kiểm soát: 1.500.000/tháng
 - Ủy viên Ban Kiểm soát: 800.000/tháng
 - Thư ký Công ty 1.000.000/tháng

Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập.

2- Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2015:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Tiền lương + thưởng</i>	<i>Phụ cấp</i>	<i>Thù lao</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch – Giám đốc	370.500.000	24.000.000		394.500.000
Nguyễn Tiến Triển	UV HĐQT – PGĐ	293.100.000	18.000.000		311.100.000

Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – PGĐ	326.400.000	18.000.000		344.400.000
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – TP KTCN	226.600.000	18.000.000		244.600.000
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT – TP TCKT	227.600.000	30.000.000		257.600.000
Quek Guet Ngoh	UV HĐQT		18.000.000	8.750.000	26.750.000
Ip Chau Sing	UV HĐQT		13.500.000	6.250.000	19.750.000
Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		18.000.000	6.600.000	24.600.000
Huỳnh Tín Đình	UV Ban Kiểm soát		9.600.000	3.300.000	12.900.000
Nguyễn Thanh Quang	UV BKS – Quản đốc PX Pin số 2	196.900.000	9.600.000		206.500.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy (người liên quan đến Ông Nguyễn Thanh Hùng – UV HĐQT – PGĐ Công ty) bán 10.000 cổ phần theo quyết định chuyển nhượng số 13/PHN ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Bà Nguyễn Thị Minh Hiền (người liên quan đến ông Nguyễn Cao Sơn – UV HĐQT – PGĐ Công ty) mua 8.500 cổ phần theo quyết định chuyển nhượng số 107/PHN ngày 10 tháng 4 năm 2016.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Trong năm 2015, Công ty TNHH MTV Pin HN (Công ty con) đã hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan tới việc chuyển quyền sở hữu dự án "Nhà máy sản xuất pin" tại Khu công nghiệp Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam cho Công ty TNHH Pin GP Việt Nam tuy nhiên chưa ghi nhận doanh thu giá vốn của hoạt động này. Doanh thu hợp đồng chuyển nhượng là 24.075.000.000 đồng và giá trị dự án của Công ty tới thời điểm 31/12/2015 là 22.354.726.013 đồng; lợi nhuận của hoạt động chuyển nhượng là 921.199.662 đồng. Việc chưa hạch toán doanh thu - chi phí của hoạt động chuyển nhượng dự án ảnh hưởng tới các chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016

**Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Công ty cổ phần Pin Hà Nội**

Đã ký

Phạm Văn Nghĩa